



MARKET LENS

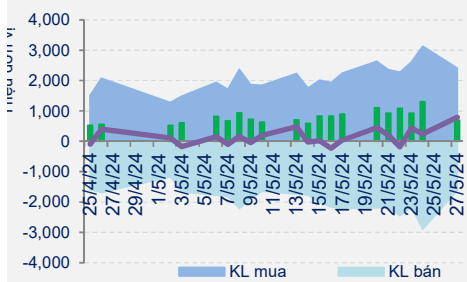
Phiên giao dịch ngày: 27/5/2024

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

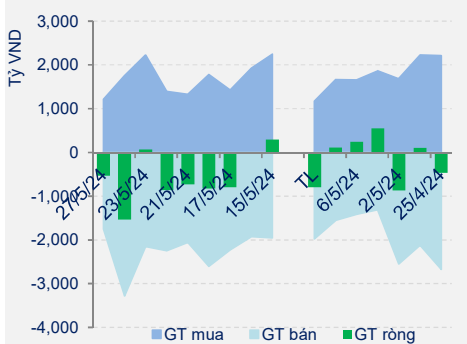
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,267.68	242.83
% Thay đổi	↑ 0.46%	↑ 0.46%
KLGD (CP)	692,207,887	75,385,829
GTGD (tỷ đồng)	17,558.06	1,396.75
Tổng cung (CP)	1,614,564,174	109,877,800
Tổng cầu (CP)	2,404,963,225	113,430,100

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	53,247,397	1,930,471
KL mua (CP)	37,161,884	1,738,436
GT mua (tỷ đồng)	1,216.06	51.84
GT bán (tỷ đồng)	1,747.44	34.19
GT ròng (tỷ đồng)	(531.38)	17.65

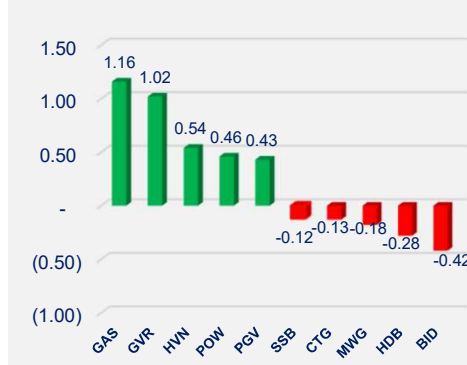
Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau phiên giảm điểm với khối lượng giao dịch đột biến hơn 1,2 tỷ cổ phiếu trên HOSE, VN-INDEX phiên đầu tuần cuối tháng 05 tiếp tục chịu áp lực điều chỉnh về vùng giá 1.255 điểm với mức độ phân hóa, phục hồi khá tốt. Kết phiên VN-INDEX tăng 5,75 điểm (+0,46%) lên mức 1.267,68 điểm, tiếp tục duy trì trên vùng giá cao nhất năm 2023. HNX-INDEX tăng 1,11 điểm (+0,46%) lên mức 242,83 điểm, hướng đến đỉnh giá tháng 03/2024 quanh 245 điểm. Độ rộng thị trường trên 02 sàn giao dịch phục hồi tích cực với 331 mã tăng giá (19 mã tăng trần), 268 mã giảm giá (07 mã giảm sàn) và 123 mã giữ giá tham chiếu.

Giá trị khớp lệnh trên hai sàn niêm yết đạt 16.063,51 tỷ đồng, giảm 54,65% so với phiên trước, dưới mức trung bình. Thị trường phục hồi tốt với nhiều mã, nhóm mã tăng giá mạnh đột biến, trong khi các mã điều chỉnh, thanh khoản dưới mức trung bình. Khối ngoại tiếp tục bán ròng trên sàn HOSE với giá trị 531,38 tỷ đồng; mua ròng trên HNX với giá trị 17,65 tỷ đồng.

Theo quyết định số 442/QĐ-TTg phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Hệ thống cảng biển đảm bảo thông qua lượng hàng hóa từ 1.249 đến 1.494 triệu tấn (trong đó hàng container từ 46,3 đến 54,3 triệu TEU, chưa bao gồm hàng trung chuyển quốc tế); hành khách từ 17,4 đến 18,8 triệu lượt. Về kết cấu hạ tầng, ưu tiên phát triển các khu bến cảng cửa ngõ quốc tế Lạch Huyện (Hải Phòng), Cái Mép - Thị Vải (Bà Rịa - Vũng Tàu), xây dựng khu bến cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ (TP.HCM).

Thị trường vẫn phục hồi khá tích cực khi nhiều mã/nhóm mã vẫn thu hút dòng tiền, lực cầu giá lên gia tăng mạnh, thanh khoản đột biến, nổi bật ở nhóm cổ phiếu điện, xây lắp điện với nhiều mã tăng giá mạnh hết biên độ, thanh khoản đột biến, vượt đỉnh giá gần nhất như PGV (+6,95%), POW (+6,61%), TV2 (+5,53%), PPC (+4,29%)... Các cổ phiếu bảo hiểm duy trì xu hướng tăng giá tích cực trong tuần trước, nhiều mã tiếp tục tăng mạnh, thanh khoản gia tăng mạnh, vượt mức trung bình như BMI (+4,23%), BVH (+4,04%), ABI (+2,76%), MIG (+2,42%)...

Nhóm cổ phiếu dầu khí cũng phục hồi tốt, nổi bật ở các cổ phiếu vận tải dầu khí khi nhiều mã tiếp tục tăng giá tích cực, vượt vùng đỉnh cũ, thanh khoản gia tăng mạnh như VIP (+6,77%), PVO (+4,05%), VTO (+4,05%), PVT (+3,92%)... ngoài OIL (-0,93%) chịu áp lực điều chỉnh. Nhóm cổ phiếu cao su, bất động sản cũng có diễn biến tích cực, nhiều mã vượt đỉnh, thanh khoản gia tăng mạnh khi giá cao su thế giới tăng giá tốt, nổi bật với DRI (+6,57%), DPR (+4,59%), DTD (+5,06%), GVR (+2,92%)... ngoài các mã chịu áp lực điều chỉnh như LHG (-1,45%), IDV (-0,76%), IDC (-0,63%)...

Các cổ phiếu bất động sản phân hóa hơn, nhiều mã vẫn phục hồi, tăng giá mạnh như CCL (+6,93%), NRC (+6,52%), HPX (+4,64%), CSC (+4,14%), TCH (+4,08%)... ngoài các chịu áp lực điều chỉnh, đa số thanh khoản dưới mức trung bình với QCG (-6,93%), NBB (-2,53%), PDR (-1,93%), DIG (-1,62%)... Trong khi đó các cổ phiếu ngân hàng đa số biến động trong biên độ hẹp, thanh khoản giảm khá mạnh, dưới mức trung bình như HDB (-1,65%), SSB (-0,92%), BID (-0,61%)... ngoại trừ EIB (+5,03%) khá đột biến. Các cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán cũng có diễn biến khá tương tự, đa số biến động hẹp, thanh khoản giảm mạnh.

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2406 giảm 1,5 điểm (-0,12%), chênh lệch âm gia tăng lên -8,68 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch giảm mạnh 39,39% so với phiên trước, dưới mức trung bình cho thấy các vị thế đầu cơ trong phiên giảm mạnh. Xu hướng ngắn hạn VN30F2406 tích lũy trong vùng 1.262 điểm - 1.266 điểm, tương ứng vùng giá cao nhất năm 2023, kháng cự quanh 1.290 điểm. Các kỳ hạn VN30F2407, VN30F2409, VN30F2412 chênh lệch từ -6,48 điểm đến -7,38 điểm so với VN30. Các mức chênh lệch mở rộng âm, cho thấy các trader đang gia tăng phòng ngừa rủi ro ngắn hạn với VN30.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

VN-INDEX tiếp nối đà phục hồi của phiên trước đó sau khi giảm mạnh kiểm định lại vùng giá 1.250 điểm, tương ứng vùng dưới kênh tích lũy trung hạn 1.250 điểm -1.300 điểm. Đóng cửa VN-INDEX tăng 5,75 điểm (0,46%) lên 1.267,68 điểm.

Trong ngắn hạn, VN-INDEX sau khi vượt lên trên vùng kháng cự mạnh 1.250 điểm để quay trở lại kênh giá 1.250 điểm -1.300 điểm, đang phục hồi tốt khi kiểm tra lại vùng dưới của kênh giá này. Thị trường vẫn luân phiên phục hồi với các mã/ nhóm mã chưa tăng nhiều, có vùng giá dưới hay tương đương VN-INDEX 1.250 điểm. Xu hướng trung hạn của VN-INDEX trở lại kênh tích lũy 1.250 điểm - 1.300 điểm sau nhịp giảm điểm mạnh. Nếu giữ được vùng hỗ trợ 1.250 điểm VN-Index vẫn có thể duy trì kỳ vọng phục hồi trở lại hướng tới vùng 1.282 điểm – 1.287 điểm, tương ứng vùng giá cao nhất phiên giảm điểm mạnh 15/04/2024 cũng như đỉnh giá tháng 09/2022.

VN-INDEX tiếp tục có diễn biến rung lắc như dự kiến sau khi vượt lên kháng cự mạnh 1.250 điểm với đặc điểm thị trường ngắn hạn là đang luân phiên phục hồi với các nhóm mã vốn hóa trung bình, nhỏ với kỳ vọng phục hồi lên lại vùng giá đỉnh tháng 03/2024 tương tự chỉ số VN30 khi VN-INDEX đã vượt lên vùng 1.250 điểm. Thị trường vẫn đang duy trì những vị thế ngắn hạn tốt đối với các mã chưa phục hồi nhiều, phù hợp các vị thế ngắn hạn. Nhà đầu tư ngắn hạn đã giải ngân theo chúng tôi khuyến nghị có thể tiếp tục nắm giữ danh mục hoặc canh chốt lãi dần đối với các cổ phiếu đã đạt mục tiêu và hạn chế mua đuổi. Nhà đầu tư trung - dài hạn tiếp tục nắm giữ danh mục và có thể tiếp tục chiến lược giải ngân dần trong các nhịp giảm điểm, mục tiêu là các mã cổ phiếu đầu ngành, dự báo có triển vọng tích cực trong năm nay.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp.



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 27/5/2024

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
DCM	38.4	33-34	40-42	32	16.6	0.3%	51.3%	Theo dõi giải ngân
VEA	45.21	37.5-38.6	46-47	35	9.5	-11.0%	4.5%	Theo dõi giải ngân
BSR	22.53	19-20	26-28	18	8.7	-9.9%	-29.8%	Theo dõi giải ngân
MIG	21.20	18-18.6	21.5-22	17	12.7	-9.5%	12.2%	Theo dõi giải ngân
BCM	62.10	59-61	71-73	55	26.0	2.6%	29.1%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
16/4/2024	LHG	34.00	32	38-39	34	6.3%	Nắm giữ
16/4/2024	DPM	36.20	32.2	40-41	35	12.4%	Nắm giữ
16/4/2024	PVP	17.40	14.2	18-18.5	16.4	22.5%	Nắm giữ
16/4/2024	DPR	43.30	36.8	46-47	41	17.7%	Nắm giữ
24/4/2024	KBC	31.20	28.75	32-33	30	8.5%	Nắm giữ
24/4/2024	FPT	132.80	114.2	145-150	132	16.3%	Nắm giữ

TIN VĨ MÔ

Tổng vốn đầu tư ra nước ngoài 5 tháng đầu năm của Việt Nam chỉ bằng 43% so với cùng kỳ

Theo Cục Đầu tư nước ngoài, trong 5 tháng đầu năm, Việt Nam đã đầu tư ra nước ngoài 136,07 triệu USD với 42 dự án mới và 10 lượt điều chỉnh vốn ở 16 ngành. Trong đó, vốn đầu tư tập trung nhiều nhất vào các ngành khai khoáng (43,1%), công nghiệp chế biến, chế tạo (23,9%); bán buôn, bán lẻ (8,3%), còn lại là các ngành khác. Trong 16 quốc gia, vùng lãnh thổ nhận đầu tư của Việt Nam, các nước tiếp nhận đầu tư của Việt Nam nhiều nhất lần lượt là Hà Lan (40,1%); Lào (36,8%); Mỹ (5,6%); New Zealand (4,3%)... Tuy nhiên, tổng vốn đầu tư ra nước của các doanh nghiệp Việt Nam chỉ bằng 43% so với cùng kỳ. Ở chiều ngược lại, trong 5 tháng đầu năm, tổng vốn đăng ký mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần của NĐT nước ngoài đạt hơn 11,07 tỷ USD, tăng 2% so với cùng kỳ 2023.

Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản có thể hiệu lực từ 01/08/2024

Ngày 26/05/2024, Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà đã ký ban hành Công điện của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy nhanh tiến độ xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật các tổ chức tín dụng. Để các chính sách mới sớm được triển khai trong thực tiễn, tạo động lực mới cho phát triển kinh tế - xã hội, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân, Chính phủ đã trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị bổ sung dự thảo Nghị quyết của Quốc hội sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 252 Luật Đất đai số 31/2024/QH15; dự thảo Nghị quyết của Quốc hội sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 197 Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 và khoản 1 Điều 82 Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024 (tờ trình số 247/TTr-CP ngày 18 tháng 5 năm 2024). Nhằm xây dựng hành lang pháp lý đầy đủ, đồng bộ, kịp thời triển khai ngay sau khi các Luật: Đất đai, Nhà ở, Kinh doanh bất động sản, các Tổ chức tín dụng được Quốc hội đồng ý cho phép có hiệu lực sớm (dự kiến từ ngày 01/08/2024) và thực hiện kết luận của Thường trực Chính phủ tại cuộc họp ngày 25/05/2024.

Ngân hàng Trung ương châu Âu sẵn sàng cắt giảm lãi suất

Trước thềm cuộc họp chính sách dự kiến diễn ra vào đầu tháng Sáu tới, chuyên gia kinh tế trưởng Philip Lane của Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) cho biết thể chế này đã sẵn sàng bắt đầu cắt giảm lãi suất từ tuần tới. Theo ông Lane, “nếu không có bất ngờ lớn nào xảy ra, tại thời điểm này, tôi cho rằng các hạn chế (đối với việc giảm lãi suất) đã được xóa bỏ.” Chuyên gia của ECB cho biết các nhà hoạch định chính sách của ngân hàng cần giữ lãi suất trong phạm vi hạn chế trong năm nay để đảm bảo lạm phát tiếp tục giảm và không bị “kẹt” ở trên mức mục tiêu. Tốc độ điều chỉnh lãi suất sẽ phụ thuộc vào việc đánh giá và phân tích dữ liệu. ECB đã cam kết sẽ cắt giảm lãi suất vào ngày 6/6. Tuy nhiên, một số nhà phân tích đã bắt đầu hạ kỳ vọng về việc ngân hàng sẽ cắt giảm thêm nữa, sau khi ghi nhận số liệu tiền lương mạnh hơn dự kiến.

TIN DOANH NGHIỆP**Thaiholdings muốn thoái gần 34% vốn Thaigroup**

HDQT CTCP Thaiholdings (THD) đã công bố nghị quyết thông qua việc thoái vốn tại CTCP - Tập đoàn Thaigroup. Hiện THD đang nắm giữ 204 triệu cp, tương ứng 81,6% vốn của Thaigroup. THD dự kiến chuyển nhượng 84 triệu cổ phiếu, tương ứng với 33,6% vốn. Nếu hoàn tất thoái vốn, tỷ lệ sở hữu của THD tại Thaigroup sẽ giảm xuống 48%. Thời gian chuyển nhượng dự kiến từ tháng 5/2024. Tại BCTC riêng quý I/2024, khoản đầu tư của THD vào Thaigroup có giá gốc 3.060 tỷ đồng. Đáng lưu ý, Thaigroup từng là công ty mẹ nắm gần 74% vốn của THD trước khi thoái sạch vốn vào tháng 4/2019. 2020 THD chi hơn 3.300 tỷ mua 165 triệu cổ phần từ cá nhân, tương đương 66% vốn điều lệ của Thaigroup và đến cuối năm này đã trở thành công ty con của THD. Năm 2022, THD từng có kế hoạch IPO và tăng vốn cho Thaigroup.

F88 báo lãi trở lại với 31 tỷ đồng trong quý 1/2024 sau năm lỗ nặng

Theo công bố từ CTCP Kinh doanh F88, Doanh nghiệp đã có sự phục hồi trong quý 1/2024 sau năm 2023 lỗ nặng, doanh thu cũng tăng trưởng cao nhất trong 1 năm trở lại đây. F88 báo cáo LNST quý 1/2024 đạt 31 tỷ đồng, doanh thu tăng 2% so với quý 4/2023. Dù không có số chi tiết so sánh với cùng kỳ, nhưng theo báo cáo tình hình kinh doanh định kỳ bán niên 2023, Doanh nghiệp lỗ hơn 368 tỷ đồng (gần 70% tổng lỗ cả năm). Tỷ lệ nợ/VCSH là 1.99, tăng so với mức 1.8 lần ghi nhận tại thời điểm cuối năm 2023, tương ứng tổng nợ quý 1 tạm ước tính gần 2.85 ngàn tỷ đồng. Gần đây F88 đã phát hành thành công 2 lô trái phiếu với tổng giá trị huy động là 100 tỷ đồng, lô F88CH2425001 và F88CH2425002. Cả hai lô đều có thời hạn là 12 tháng, lãi suất 11.5%/năm, mỗi lô gồm 500 trái phiếu mệnh giá 100 triệu đồng

FPT IS hợp tác Nhà xuất bản Đại học hàng đầu thế giới

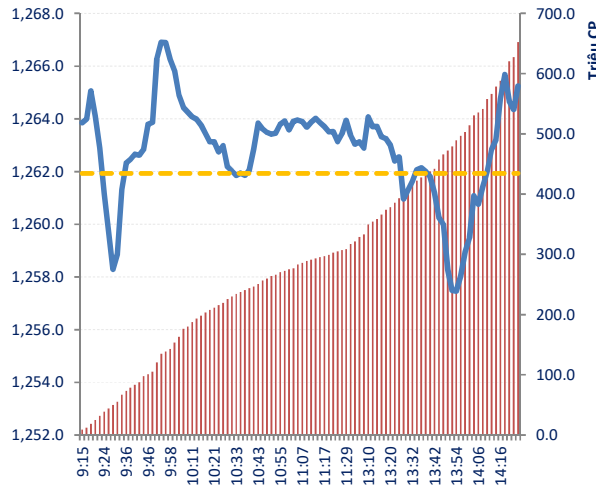
FPT IS ký kết hợp tác chiến lược cùng NXB Đại học Oxford - Một trong những NXB đại học lớn nhất thế giới. Hợp tác hướng tới mang đến sản phẩm giáo dục Make in Vietnam với nội dung chuẩn quốc tế Oxford theo xu hướng game hóa, đáp ứng nhu cầu học tập tiêu chuẩn cho học sinh Việt Nam, thế giới. Qua hợp tác, FPT IS và NXB Đại học Oxford cam kết mang đến phương thức mới trong chương trình dạy và học tiếng Anh chất lượng chuẩn quốc tế thông qua hình thức game hoá với ứng dụng công nghệ cao như AI, VR/AR... dành học sinh lứa tuổi tiền tiểu học và tiểu học. Đây có thể coi là mô hình hợp tác đầu tiên tại Việt Nam giúp mở rộng cơ hội học tập Tiếng Anh chuẩn Oxford bằng nền tảng công nghệ mới.

Vi phạm công bố thông tin, Pacific Partners bị xử phạt 60 triệu đồng

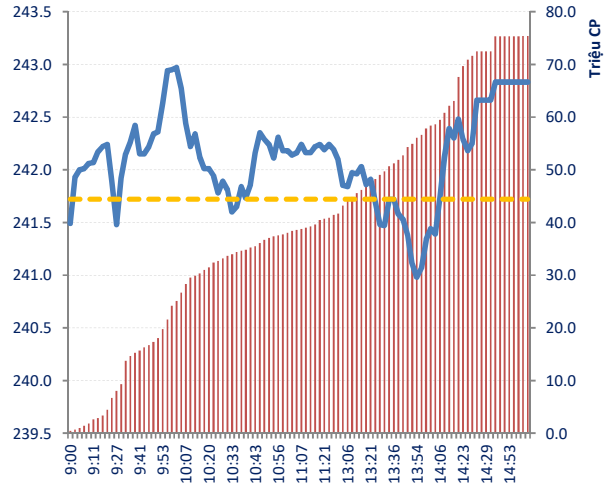
UBCKNN vừa có quyết định xử phạt vi phạm hành chính với CTCP Pacific Partners do công bố thông tin không đúng thời hạn cho Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Gồm Báo cáo tình hình thực hiện các cam kết của doanh nghiệp phát hành đối với người sở hữu trái phiếu năm 2022; Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu đối với trái phiếu còn dư nợ được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện năm 2022. Tổng số tiền phạt là 60 triệu đồng. Tính tới 31/12/2023, Pacific Partners đang có VCSH là 207,5 tỷ đồng, hệ số nợ phải trả/VCSH là 2,52 lần, tương ứng tổng nợ phải trả là 522,9 tỷ đồng.



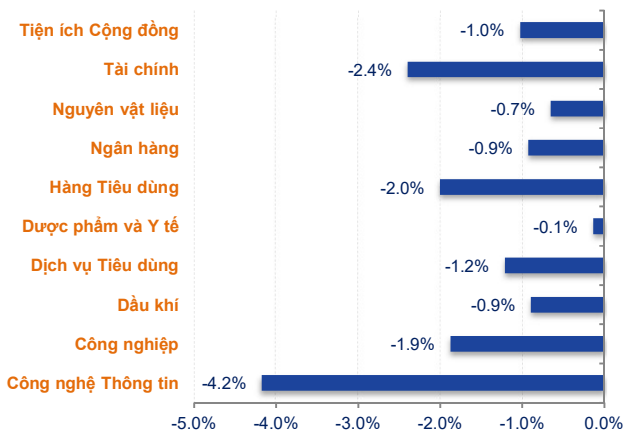
KLGD và VN-Index trong phiên



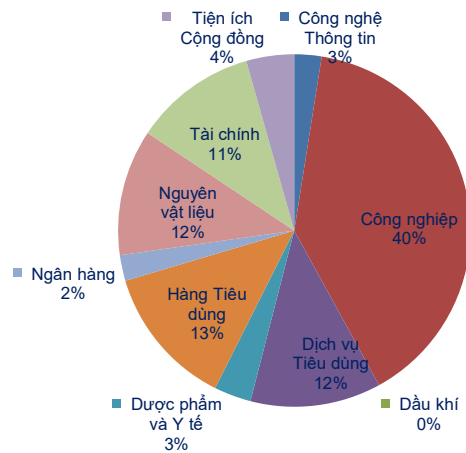
KLGD và HNX-Index trong phiên



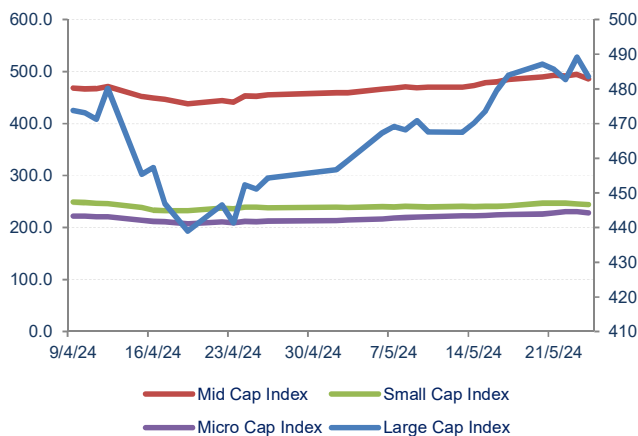
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



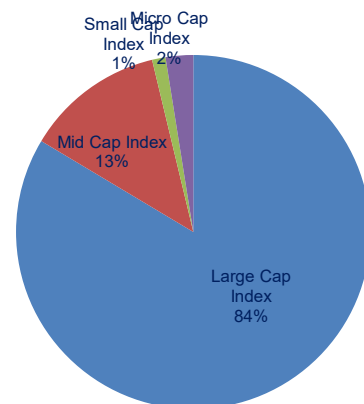
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	POW	2,052,823	CTG	3,376,857	1	GKM	714,900	CEO	549,736
2	EVF	1,905,454	HDB	2,633,858	2	MBS	143,900	HUT	266,648
3	TCH	1,726,654	HPG	2,564,826	3	IDC	106,923	IDJ	148,500
4	HPX	766,500	TPB	2,094,936	4	PLC	43,500	TVC	117,000
5	SHB	519,819	PDR	1,843,213	5	VGS	43,300	API	68,900

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
POW	11.35	12.10	↑ 6.61%	43,071,900	SHS	18.60	18.50	↓ -0.54%	9,030,299
LPB	23.50	23.45	↓ -0.21%	33,159,510	SHN	6.90	7.10	↑ 2.90%	4,553,216
VIB	22.00	22.00	⇒ 0.00%	25,589,500	IDJ	6.70	7.30	↑ 8.96%	4,395,314
VPB	18.00	18.00	⇒ 0.00%	25,231,000	CEO	18.50	18.50	⇒ 0.00%	4,189,957
EIB	17.90	18.80	↑ 5.03%	23,321,600	PVS	43.90	44.90	↑ 2.28%	3,750,818

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PSH	6.74	7.21	0.47	↑ 6.97%	VNT	45.00	49.50	4.50	↑ 10.00%
PGV	20.85	22.30	1.45	↑ 6.95%	HMR	26.10	28.70	2.60	↑ 9.96%
CCL	8.80	9.41	0.61	↑ 6.93%	DC2	8.10	8.90	0.80	↑ 9.88%
DTT	20.90	22.35	1.45	↑ 6.94%	TJC	16.30	17.90	1.60	↑ 9.82%
JVC	3.54	3.78	0.24	↑ 6.78%	SHE	9.20	10.10	0.90	↑ 9.78%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HTI	17.95	16.20	-1.75	↓ -9.75%	CX8	9.20	8.30	-0.90	↓ -9.78%
TDH	3.60	3.35	-0.25	↓ -6.94%	BXH	21.60	19.50	-2.10	↓ -9.72%
QCG	16.60	15.45	-1.15	↓ -6.93%	VHL	11.40	10.30	-1.10	↓ -9.65%
DRH	3.82	3.56	-0.26	↓ -6.81%	NBW	28.30	25.80	-2.50	↓ -8.83%
ADG	17.85	16.65	-1.20	↓ -6.72%	VBC	21.50	19.70	-1.80	↓ -8.37%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
POW	43,071,900	2.4%	350	32.5	0.8
LPB	33,159,510	21.6%	2,914	8.0	1.6
VIB	25,589,500	23.0%	3,317	6.7	1.5
VPB	25,231,000	8.9%	1,525	12.0	1.0
EIB	23,321,600	9.0%	1,147	15.9	1.4

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	9,030,299	5.7%	688	28.1	1.5
SHN	4,553,216	0.2%	29	242.6	0.6
IDJ	4,395,314	5.0%	584	12.3	0.6
CEO	4,189,957	2.8%	365	52.7	1.6
PVS	3,750,818	7.1%	1,992	22.6	1.5

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PSH	↑ 7.0%	-9.6%	(1,295)	-	0.5
PGV	↑ 7.0%	0.3%	48	436.8	1.6
CCL	↑ 6.9%	8.9%	1,014	9.1	0.8
DTT	↑ 6.9%	7.8%	1,236	16.9	1.3
JVC	↑ 6.8%	10.1%	436	8.3	0.8

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VNT	↑ 10.0%	-8.5%	(1,132)	-	3.5
HMR	↑ 10.0%	9.2%	1,214	24.3	2.3
DC2	↑ 9.9%	1.9%	204	49.0	0.9
TJC	↑ 9.8%	26.3%	4,882	3.3	0.8
SHE	↑ 9.8%	14.1%	1,643	5.6	0.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
POW	2,052,823	2.4%	350	32.5	0.8
EVF	1,905,454	5.8%	708	22.7	1.3
TCH	1,726,654	7.0%	1,252	15.4	1.0
HPX	766,500	4.8%	565	13.1	0.6
SHB	519,819	15.6%	2,151	5.4	0.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
GKM	714,900	17.5%	1,999	17.8	3.3
MBS	143,900	13.0%	1,475	22.2	2.7
IDC	106,923	31.7%	5,880	10.8	3.2
PLC	43,500	6.9%	1,112	26.5	1.8
VGS	43,300	6.0%	1,098	33.2	2.0

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	504,136	20.0%	5,838	15.5	2.9
BID	280,461	18.1%	3,841	13.0	2.2
HPG	184,852	9.2%	1,601	19.6	1.7
GAS	181,442	16.4%	4,688	16.3	2.6
CTG	174,525	16.2%	3,751	8.8	1.4

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	20,983	7.1%	1,992	22.6	1.5
IDC	20,955	31.7%	5,880	10.8	3.2
HUT	16,065	0.7%	97	187.1	1.4
SHS	15,125	5.7%	688	28.1	1.5
MBS	14,004	13.0%	1,475	22.2	2.7

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
KSB	2.41	3.6%	1,008	22.1	1.0
PSH	2.41	-9.6%	(1,295)	-	0.5
PDR	2.24	7.8%	1,017	26.0	2.1
GEX	2.14	2.5%	625	36.3	0.9
DRH	2.09	-6.1%	(768)	-	0.3

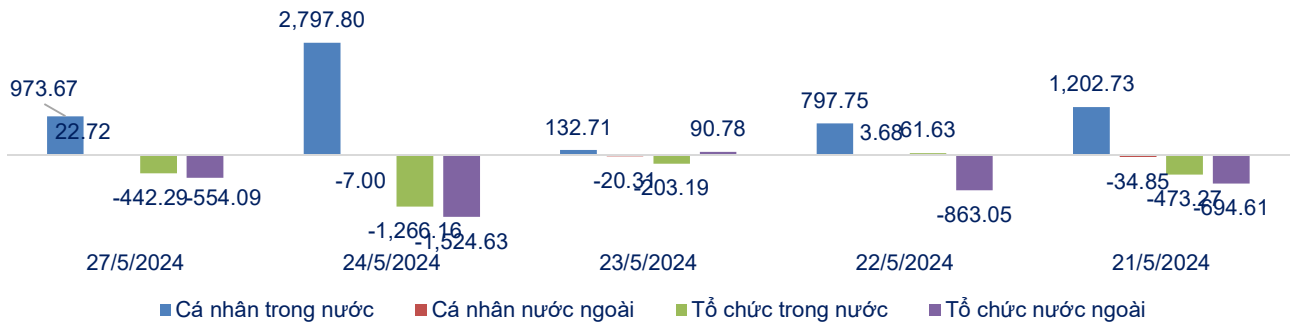
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
MCO	3.68	0.8%	97	227.9	1.7
VGS	2.99	6.0%	1,098	33.2	2.0
HMR	2.93	9.2%	1,214	24.3	2.3
VC7	2.78	5.5%	643	21.0	1.2
VC2	2.77	2.0%	273	34.5	0.7



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSB	284.32	14.9%	2,310	6.2	0.9
CTG	120.34	16.2%	3,751	8.8	1.4
SSI	115.48	11.1%	1,703	21.4	2.3
HDB	92.84	24.7%	3,831	6.4	1.4
TPB	56.39	13.9%	2,041	8.9	1.2

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
POW	-68.13	2.4%	350	32.5	0.8
MSN	-41.08	0.8%	215	344.2	2.3
GEX	-37.08	2.5%	625	36.3	0.9
EVF	-31.46	5.8%	708	22.7	1.3
NLG	-22.39	3.0%	1,041	43.3	1.3

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	5.37	22.8%	5,338	25.9	5.5
VRE	4.47	12.0%	1,966	11.8	1.4
BFC	3.44	18.3%	4,105	9.4	1.6
VIB	2.00	23.0%	3,317	6.7	1.5
LPB	1.64	21.6%	2,914	8.0	1.6

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PC1	-3.43	2.8%	651	42.9	1.2
TV2	-2.66	4.2%	828	51.5	2.1
SSI	-1.59	11.1%	1,703	21.4	2.3
MSN	-1.45	0.8%	215	344.2	2.3
HPG	-1.28	9.2%	1,601	19.6	1.7

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	79.51	9.2%	1,601	19.6	1.7
POW	43.53	2.4%	350	32.5	0.8
GEX	38.96	2.5%	625	36.3	0.9
MSN	32.60	0.8%	215	344.2	2.3
VIP	20.44	6.1%	1,142	11.2	0.7

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSB	-284.24	14.9%	2,310	6.2	0.9
SSI	-89.97	11.1%	1,703	21.4	2.3
VCB	-55.31	20.0%	5,838	15.5	2.9
TCB	-52.43	15.2%	5,606	8.3	1.2
DGC	-37.91	24.6%	7,884	16.0	3.8

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
TCH	32.30	7.0%	1,252	15.4	1.0
EVF	30.66	5.8%	708	22.7	1.3
POW	25.45	2.4%	350	32.5	0.8
FPT	24.45	22.8%	5,338	25.9	5.5
VCB	16.96	20.0%	5,838	15.5	2.9

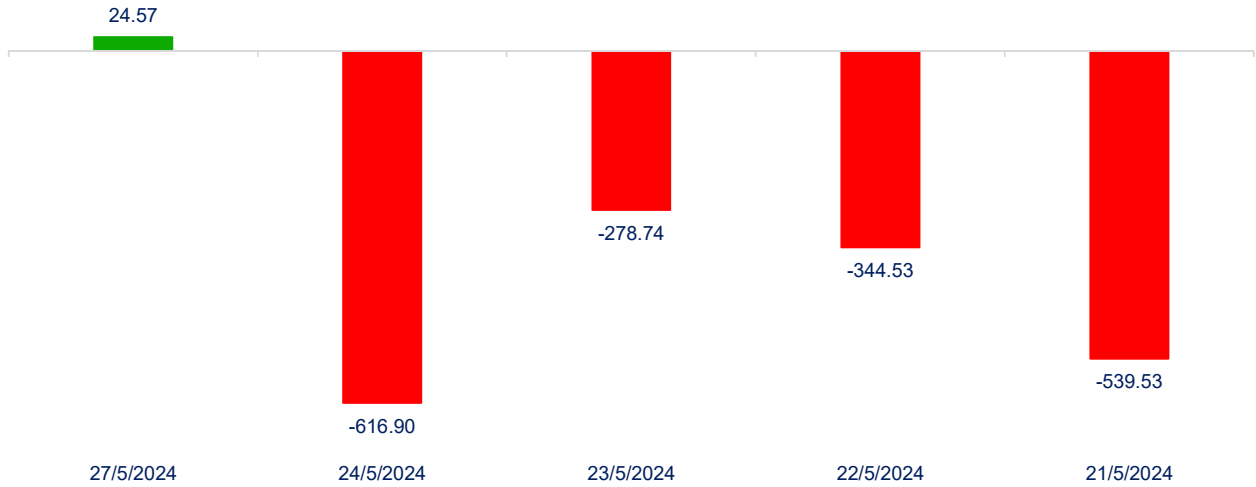
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	-109.08	16.2%	3,751	8.8	1.4
HPG	-72.85	9.2%	1,601	19.6	1.7
HDB	-62.83	24.7%	3,831	6.4	1.4
MWG	-55.68	4.4%	717	85.1	3.4
VNM	-52.80	26.0%	4,410	14.9	3.8

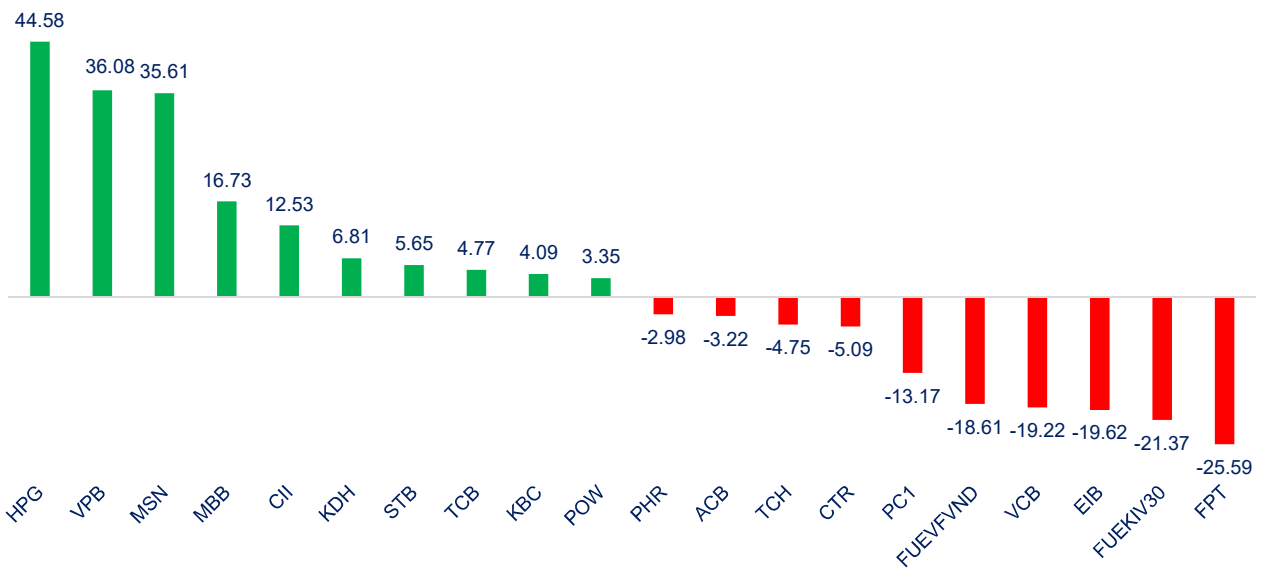


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn